

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngọ và ông Nguyễn Tiến Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST-QĐ ngày 30/7/2024 đối với bị cáo:

HOÀNG QUÝ Đ; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 21 tháng 3 năm 1996 tại Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Phúc T và bà Bàn Thị G; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Nguyễn V - Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Dương Văn H - Phó Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Bàn Thị G; sinh năm 1980. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Bàn Thị H1, sinh năm 1982; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Hoàng Phúc T; sinh năm: 1975; Có mặt
- + Chị Phùng Thị M, sinh năm 1995; Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10 dương lịch (cuối tháng 8 âm lịch) năm 2023, Hoàng Quý Đ một mình đến khu rừng tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, sử dụng cưa lóc cầm tay và dao thực hiện phát phá một đám rừng với mục đích trồng cây mỡ để phát triển kinh tế gia đình.

Nhận được tin báo, lực lượng Kiểm lâm tiến hành kiểm tra và phát hiện vụ việc. Ngày 17/10/2023, Hạt Kiểm lâm huyện C phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định, khu rừng bị phát phá thuộc lô 30, khoảnh 8 và lô 32 khoảnh 9 đều thuộc tiểu khu C Bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, diện tích bị phát phá là 3.980m², thuộc loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên trạng thái TXB (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình). Số lượng lâm sản bị cắt hạ gồm 58 cây gỗ (từ nhóm VI đến nhóm VIII) có khối lượng 8,614m³ và 2.160 cây Vầu có đường kính gốc từ 03 cm đến 05 cm, dài 04m đến 07m.

Quá trình điều tra, xác định khu rừng bị Hoàng Quý Đ phát phá thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T, thuộc quyền quản lý của bà Bàn Thị H1, trú tại thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Công văn số 14-HĐĐGTSTTHS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị thiệt hại phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng đối với việc phát phá rừng trái phép tại lô 30 khoảnh 8 và lô 32 khoảnh 9 Tiểu khu 396 Bản đồ Quy hoạch ba loại rừng xã T được phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B thuộc thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào thời điểm phát hiện ngày 06/10/2023 là 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng); Giá trị của 58 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng 8,614m³ để tại hiện trường xảy ra vụ việc là 2.584.200đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng); Giá trị của 2.160 cây V1 có đường kính gốc từ 3cm đến 5cm, chiều dài từ 4m đến 7m để tại hiện trường xảy ra vụ việc là 432.000đ (Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Hoàng Quý Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích và hình thức phát phá. Đ khai thực hiện phát phá nhằm mục đích lấy đất trồng cây mỡ. Đ dùng dao chặt các cây vầu

sau đó dùng cưa máy cầm tay cắt hạ cây gỗ, phát xong trong khoảng thời gian 03 ngày. Điệp nhận thức khu rừng bị phát phá là của ông Hoàng Phúc T (Bố của Đ) đã giao cho Đ quản lý, khi phát Đ không hỏi ý kiến ai, không nói cho ai biết, cũng như không được cơ quan chức năng nào cho phép. Đ thực hiện hành vi phát phá rừng một mình.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 cưa máy cầm tay là của ông Hoàng Phúc T và bà Bàn Thị G (B, mẹ của Đ). Bà G đã dùng chính chiếc cưa máy này để phát phá rừng trong vụ án khác và đã giao nộp chiếc cưa máy cho cơ quan chức năng.

- 01 con dao quắm, đã cũ, chuôi dao và lưỡi dao làm bằng kim loại đã han rỉ (là của Đ)

- 58 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm VI, VII, VIII với tổng khối lượng 8,614m³; 2.160 cây vầu có đường kính gốc từ 3cm đến 5cm, chiều dài từ 4m đến 7m.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại toàn bộ số gỗ và cây vầu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Các vật chứng khác được bảo quản theo quy định.

Quá trình điều tra, xác định Hoàng Quý Đ có ông ngoại là Bàn Sinh T1 là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, là thương binh hạng 4/4.

Ông Dương Văn H - Phó trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C là người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSCM ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn truy tố Hoàng Quý Đ về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Hoàng Quý Đ thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của mình. Đối với công cụ phương tiện Đ dùng để phát phá rừng, Đ khai nhận: Chiếc cưa máy là của bố mẹ bị cáo, bị cáo tự ý mang đi, bố mẹ bị cáo không biết việc Đ dùng cưa máy để phát phá rừng. Còn đối với con dao là của bị cáo, hiện xác định con dao đã cũ, không còn giá trị và giá trị sử dụng. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.500.000đ (Nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới) để phần nào khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của Nguyên đơn dân sự và bị cáo thỏa thuận được với nhau về bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận

sự thoả thuận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn số tiền 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 27.159.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Đối với số thiệt hại về lâm sản, do đã nhận lại được số gỗ và vầu mà bị cáo đã phát phá, nên Ủy ban nhân dân không yêu cầu bồi thường thiệt hại và không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Phúc T trình bày: Xác định chiếc cưa máy mà bị cáo Đ dùng để phát rừng là tài sản chung của vợ chồng bà G và ông T. Ông bà không biết việc Đ sử dụng chiếc cưa máy để phá rừng. Bà G đã sử dụng chiếc cưa máy này thực hiện hành vi phá rừng và đã bị xét xử trong một vụ án khác, chiếc cưa máy cũng đã được xử lý trong vụ án đó. Do vậy, ông T không có yêu cầu gì liên quan tới chiếc cưa máy trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phùng Thị M trình bày: Số tiền 1.500.000đ mà bị cáo Đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để khắc phục hậu quả là tài sản chung của vợ chồng chị M và bị cáo. Chị M nhất trí để bị cáo nộp tiền và không yêu cầu bị cáo phải trả lại phần tiền của chị đã góp trong đó. Ngoài ra, chị M không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Bàn Thị H1 có ý kiến: Bản thân bà H1 không biết việc bị cáo Đ phát, phá diện tích rừng mà bà được giao quản lý và bà không có yêu cầu gì liên quan tới vụ việc nêu trên.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Bàn Thị G có ý kiến: Xác định chiếc cưa máy mà bị cáo Đ dùng để phát rừng là tài sản chung của vợ chồng bà G và ông T. Ông bà không biết việc Đ sử dụng chiếc cưa máy để phá rừng. Bà G đã sử dụng chiếc cưa máy này thực hiện hành vi phá rừng, bà đã giao nộp chiếc cưa máy cho cơ quan chức năng và đã được xử lý trong vụ án khác. Do đó, bà G không có yêu cầu gì liên quan tới chiếc cưa máy trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới sửa đổi, bổ sung Cáo trạng về phần trả trị thiệt hại về môi trường, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Quý Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Đ phạm tội “Hủy hoại rừng”.

+ Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2/Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Quý Đ 13 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hoàng Quý Đ.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự: Bị cáo Hoàng Quý Đ có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 27.159.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

+ Về xử lý vật chứng:

Đối với số cây gỗ và vầu là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn là có căn cứ cho nên đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

Đối với 01 con dao đã cũ là công cụ phạm tội, xác định đây cũng là tài sản của bị cáo, xét thấy con dao đã cũ, không còn giá trị. Do đó đề nghị tịch thu tiêu hủy con dao.

Đối với cái cưa máy của vợ chồng bà Bàn Thị G và ông Hoàng Phúc T mà Hoàng Quý Đ dùng để phá rừng: Bà G đã dùng chiếc cưa máy để thực hiện hành vi phạm tội và đã được xử lý theo quy định của pháp luật trong một vụ án khác. Ông T, bà G nhất trí và không có yêu cầu gì liên quan tới chiếc cưa máy trong vụ án này, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, theo Biên lai số 0001342 ngày 17/7/2024, để đảm bảo trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

- Bị cáo, đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận. Đại diện Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng đầu tháng 10/2023 (cuối tháng 8 âm lịch), tại khu rừng thuộc thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tuy chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhưng Hoàng Quý Đ đã có hành vi phát, phá diện tích rừng là 3.980m² thuộc lô 30, khoảnh 8 và lô 32 khoảnh 9 Tiểu khu 396 Bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã T được phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (thửa 163 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T). Đây là loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên trạng thái TXB (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình) do bà Bàn Thị H1, trú tại thôn Bản Lù, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được giao quản lý.

Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản là 3.016.200đ (Ba triệu không trăm mười sáu nghìn hai trăm đồng) trong đó: Tổng khối lượng gỗ là 8,614m³ có giá trị là 2.584.200đ (hai triệu năm trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng) và 2.160 cây Vầu có giá trị là 432.000đ (bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Thiệt hại về môi trường rừng là 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 31.675.200đ (Ba mươi một triệu, sáu trăm bảy lăm nghìn hai trăm đồng).

Hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

Như vậy, hành vi của Hoàng Quý Đ đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm."

Từ những căn cứ trên, xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn truy tố Hoàng Quý Đ về tội "*Hủy hoại rừng*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm Hoàng Quý Đ đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo có ông ngoại là ông Bàn Sinh T1 là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, là thương binh hạng 4/4, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện của Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành

hình phạt tại cơ sở giam giữ. Việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hưởng án treo, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội, tuy nhiên, mục đích hủy hoại rừng của bị cáo là để lấy đất sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, thực tế chưa thu lợi gì từ việc phá rừng. Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định (Thu nhập chủ yếu từ làm nông nghiệp), bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, Bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận: Bị cáo Hoàng Quý Đ có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 27.159.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Xét thấy, việc thỏa thuận của bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 58 cây gỗ, 2.160 cây vầu là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, xét thấy là có căn cứ, đúng quy định do đó Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

- Đối với 01 con dao quắm, đã cũ là công cụ phạm tội, là tài sản của bị cáo. Xét thấy con dao đã cũ, không còn giá trị và giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với cái cưa máy mà Hoàng Quý Đ dùng để phá rừng là của vợ chồng bà Bàn Thị G và ông Hoàng Phúc T, bà G đã dùng chiếc cưa máy để thực hiện hành vi phạm tội trong một vụ án khác và đã được xử lý theo quy định của pháp luật. Ông T, bà G nhất trí và không có yêu cầu gì liên quan tới chiếc cưa máy trong vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với số tiền 1.500.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phùng Thị M (vợ của bị cáo Đ) xác định số tiền 1.500.000đ mà bị cáo Đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để khắc phục hậu quả là tài sản chung của vợ chồng chị M và bị cáo. Chị M nhất trí để bị cáo nộp tiền và không yêu cầu bị cáo phải trả lại phần tiền của chị đã góp trong đó và không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Diện tích rừng mà Hoàng Quý Đ phát phá thuộc thửa đất do bà Bàn Thị H1 được giao quản lý. Xác định khi bị cáo phát, phá không thông báo hay hỏi ý kiến của bà H1, bà H1 cũng không biết về hành vi của bị cáo do đó không xem xét xử lý đối với bà Bàn Thị H1 là có cơ sở.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân: Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, xét thấy cần miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2/Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Đ phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Quý Đ 13 (Mười ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự: Bị cáo Hoàng Quý Đ có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 28.659.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 27.159.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 con dao loại dao quắm, đã cũ (Tình trạng, số lượng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn).

- Tạm giữ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) mà bị cáo Hoàng Quý Đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, theo Biên lai số 0001342 ngày 17/7/2024, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

5. Về án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới;
- Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; NĐDS; Người có QLNVLQ;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Thu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọ

Nguyễn Tiến Tùng

Lường Thị Thu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quang Trân

Nguyễn Tiến Tùng

Lường Thị Thu Hòa

